

Bản án số: 98/2024/DS-ST
Ngày: 06/8/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Thới
- Ông Phạm Văn Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Hôm nay, ngày 06 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 212/2024/TLST- DS ngày 06 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/QĐXXST- DS, ngày 19 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 452/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thu T, sinh năm 1970 địa chỉ: ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

2. *Bị đơn:*

1/ Anh Lê Thanh C, sinh năm 1984

2/ Chị Trịnh Thị Mộng H, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: Số B, Đ, Khóm B, phường H, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2024 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thu T trình bày:

Do có quen biết nhau, nhiều lần anh Lê Thanh C và vợ chị Trịnh Thị Mộng H vay tiền của chị T, do anh C, chị H làm nghề cho vay tiền đáo hạn ngân hàng nên anh C, chị H vay tiền của chị T về cho vay lại. Vào ngày 18/01/2014 anh C có điện thoại cho chị T hỏi vay số tiền 100.000.000 đồng và nói chị H sẽ đến nhận, khi đến nhận tiền thì chị H có viết sẵn giấy nhận tiền có nội dung: “ Tôi Trịnh Thị Mộng H có mượn của cô T số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) ngày 18/01/2014 ký tên ghi họ tên giao cho chị T giữ và nhận số tiền 100 triệu đồng.

Ngày 23/4/2014 anh Lê Thanh C có đến nhà chị T ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long hỏi vay số tiền 60.000.000 đồng, anh C tự tay viết hợp đồng mượn tiền (Mẫu do chị T soạn sẵn) ký tên ghi họ tên, khi viết hợp đồng mượn tiền ngày 23/4/2014 thì anh C ghi địa chỉ cư ngụ ấp Đ, xã T là ghi theo giấy chứng minh nhân dân của anh C thời điểm vay tiền thì chị T biết nhà của anh C và chị H ngụ tại phường H, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Qua hai lần vay tiền thì chị T với anh C, chị H có thỏa thuận miệng là anh C và chị H sẽ trả tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng, không có thỏa thuận thời gian trả chỉ nói khi nào anh C, chị H có tiền sẽ trả hay chị T cần lấy lại tiền sẽ trả.

Từ khi vay tiền đến nay chị T nhiều lần đến gặp anh C, chị H để yêu cầu anh chị trả lại số tiền 160.000.000 đồng cho chị T nhưng anh C chị H hứa hẹn nhiều lần không trả, thậm chí còn trốn tránh cho nên chị Nguyễn Thu T khởi kiện yêu Tòa án giải quyết buộc anh Lê Thanh C và chị Trịnh Thị Mộng H có trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Thu T số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng, chị T không yêu cầu tính lãi suất.

* Ý kiến của bị đơn anh Lê Thanh C và chị Trịnh Thị Mộng H trình bày: Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn anh C và chị H hoàn toàn không có ý kiến hay văn bản gì gửi cho Tòa án.

- Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thu T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lê Thanh C và chị Trịnh Thị Mộng H có trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Thu T số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng, chị T không yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thu T có đơn khởi kiện anh Lê Thanh C, sinh năm 1984 và chị Trịnh Thị Mộng H, sinh năm 1990 cùng nơi cư trú Số B, Đ, Khóm B, phường H, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh C và chị H trả số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng. Do đó, căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, được triệu tập họp lệ dự phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, triệu tập tham dự phiên tòa sơ thẩm vào các ngày 10/7/2024 và ngày 06/8/2024 cho anh Lê Thanh C và chị Trịnh Thị Mộng H đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ Khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Lê Thanh C và chị Trịnh Thị Mộng H.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thu T theo chứng cứ là giấy nhận tiền ngày 18/01/2014 và hợp đồng mượn tiền ngày 23/4/2014, số tiền nợ thể hiện đúng nội dung, có họ tên và chữ ký tên của anh Lê Thanh C và chị Trịnh Thị Mộng H với nội dung có vay của chị Nguyễn Thu T tổng cộng số tiền 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) cho nên sự việc chị T yêu cầu anh Lê Thanh C và chị Trịnh Thị Mộng H trả số tiền 160.000.000 đồng là có căn cứ. Mặt khác, theo nguyên đơn trình bày trước khi khởi kiện anh C và chị H thì nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu anh chị trả số tiền nợ nhưng phía anh C, chị H cứ hứa hẹn không trả khoản tiền nào cho chị T mà cố tình trốn tránh, Tòa án nhân Thành phố V đã thông báo họp lệ về việc công khai chứng cứ là bản gốc giấy nhận tiền do chị H viết ngày 18/01/2014 có nội dung “Tôi Trịnh Thị Mộng H có mượn của cô T số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) ngày 18/01/2014 ký tên ghi họ tên và hợp đồng mượn tiền số tiền 60.000.000 đồng ngày 23/4/2014 do anh C viết và ký tên do nguyên đơn xuất trình, đến tại phiên tòa hôm nay Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long cũng chưa nhận được chứng cứ nào thể hiện bị đơn phản đối chứng cứ do nguyên đơn đưa ra nên giấy nhận tiền và hợp đồng mượn tiền nêu trên được xem là tình tiết, văn bản mà nguyên đơn không phải chứng minh, được quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, vì vậy chị Nguyễn Thu T yêu cầu anh Lê Thanh C và chị Trịnh Thị Mộng H trả số tiền còn nợ là 160.000.000 đồng là có căn cứ được chấp nhận. Về tiền lãi suất do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Lê Thanh C và chị Trịnh Thị Mộng H phải nộp án phí là $160.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 8.000.000 \text{ đồng}$. Chị Nguyễn Thu T không phải nộp án phí nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thu T đối với anh Lê Thanh C và chị Trịnh Thị Mộng H.

2. Buộc anh Lê Thanh C và chị Trịnh Thị Mộng H có trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Thu T số tiền là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án làm đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo Khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc anh Lê Thanh C và chị Trịnh Thị Mộng H phải nộp số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thu T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) theo biên lai thu số: No 0006836 ngày 26/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND. Tỉnh Vĩnh Long 01;
- VKSND.TP. Vĩnh Long 01;
- Chi cục THADS. TP Vĩnh Long 01;
- Các đương sự 04;
- Lưu hồ sơ 03.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Diễm